

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI AN

TRƯỜNG MẦM NON ĐĂNG LÂM

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MẪU GIÁO 5 TUỔI NĂM HỌC 2025-2026

TT	Mục tiêu năm		Nội dung năm		PTCT	MT-ND cốt lõi
	Mục tiêu	Nguồn	Nội dung	Nguồn		
	I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			#		
	A. Phát triển vận động			#		
	1. Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			#		
1	Thực hiện đúng kỹ thuật và thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh, nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	KQMD	Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 1	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 2	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 3	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 4	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 5	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 6	TLHD		x
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 7	TLHD		x

			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 8	TLHD		X
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 9	TLHD		X
			Tập kết hợp 5 động tác cơ bản trong bài tập thể dục Bài 10	TLHD		X
	2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động			#		14
	* Vận động: đi			#		3
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây	KQMĐ	Đứng một chân, giữ thăng người trong 10 giây	KQMĐ		
3	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bằng mép ngoài bàn chân	NDCT	Đi bằng mép ngoài bàn chân	NDCT		
4	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi khụy gối	NDCT	Đi khụy gối	NDCT		
5	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên dây dài 3-4m đặt trên sàn	KQMĐ	Đi trên dây	NDCT		X
6	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi lên, xuống trên ván dốc dài 2,5m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m	KQMĐ	Đi trên ván kê dốc (dài 2,5m, rộng 0,3m, một đầu kê cao 0,3m)	NDCT		
7	Giữ được thăng bằng cơ thể, nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động đi nối bàn chân tiến, lùi	NDCT	Đi nối bàn chân tiến, lùi	NDCT		X

8	Kiểm soát được vận động, phản xạ nhanh khi đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh 4-5 lần	NDCT	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	NDCT		
9	Kiểm soát được vận động, phản xạ nhanh khi đi thay đổi hướng vận động ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	KQMĐ	Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh	NDCT		X
10	Giữ được thăng bằng cơ thể, không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục	KQMĐ	Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) đầu đội túi cát	BC		
11	<i>Mạnh mẽ, khéo léo, phối hợp nhịp nhàng khi đi theo đội hình, đội ngũ và đi đều bước</i>	ĐP	<i>Đi theo đội hình, đội ngũ, đi đều bước</i>	ĐP	X	
	* Vận động: chạy			#		2
12	Kiểm soát được vận động chạy thay đổi tốc độ ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	NDCT	Chạy thay đổi hướng vận động tốc độ theo đúng hiệu lệnh	NDCT		
13	Kiểm soát được vận động chạy thay đổi hướng vận động ít nhất 3 lần theo đúng hiệu lệnh	KQMĐ	Chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh	NDCT		
14	Chạy được 18m liên tục theo hướng thẳng trong 5-7 giây	KQMĐ	Chạy 18m liên tục theo hướng thẳng trong 5-7 giây	BC		X
15	Bền bỉ, dẻo dai, duy trì được vận động chạy chậm 100 - 120m	NDCT	Chạy chậm 100 - 120m	NDCT		X

16	Bền bỉ, dẻo dai, duy trì tốc độ chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	BC	Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian	BC		
17	<i>Nhanh nhẹn, dẻo dai, khéo léo khi phối hợp thực hiện vận động chạy và vượt qua 2-3 chướng ngại vật</i>	ĐP	<i>Chạy và vượt qua 2-3 chướng ngại vật</i>	ĐP	x	x
18	<i>Đá trúng được một quả bóng đang lăn</i>	ĐP	<i>Đá bóng lăn</i>	ĐP	x	
	* Vận động: bò, trườn, trèo			#		1
19	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 4-5m không chệch ra ngoài	NDCT	Bò bằng bàn tay và bàn chân giữa 2 đường kẻ rộng 40cm, dài 4-5m	NDCT		x
20	Thể hiện sự dẻo dai, khả năng phối hợp nhịp nhàng, khéo léo khi thực hiện vận động bò trong đường zic zắc (có 7 điểm zic zắc, mỗi điểm cách nhau 1,5m) đúng yêu cầu	KQMĐ	Bò trong đường zic zắc qua 7 điểm, mỗi điểm cách nhau 1,5m	NDCT		
21	Mạnh dạn, nhanh nhẹn, khéo léo khi bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m liên tục, không chạm	NDCT	Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m	NDCT		
22	Biết phối hợp tay chân nhịp nhàng, khéo léo trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm đúng kỹ thuật	NDCT	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	NDCT		

23	Mạnh dạn, tự tin, nhanh nhẹn, khéo léo trèo lên xuống 7 gióng thang liên tục ở độ cao 1,5 m so với mặt đất	NDCT	Trèo lên, xuống 7 gióng thang ở độ cao 1,5m	NDCT		
	* Vận động: tung, ném, bắt			#		5
24	Nhanh nhẹn, khéo léo vừa đi vừa đập bắt bóng nảy từ 4-5 lần liên tiếp	KQMĐ	Đi, đập và bắt bóng nảy	NDCT		X
25	Nhanh nhẹn, khéo léo tung đập bóng lên cao và bắt bóng	NDCT	Tung bóng lên cao và bắt bóng	TLHD		
26	Nhanh nhẹn, khéo léo tung, đập bắt bóng tại chỗ	NDCT	Tung, đập bắt bóng tại chỗ	NDCT		
27	Ném vật về phía trước bằng 1 tay đúng kỹ thuật ở khoảng cách xam	NDCT	Ném xa bằng 1 tay	NDCT		
28	Ném vật về phía trước bằng 2 tay đúng kỹ thuật ở khoảng cách xam	NDCT	Ném xa bằng 2 tay	NDCT		
29	Biết ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	KQMĐ	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	BC		X
30	Ném được trúng đích đứng cao 1,5m ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay/ 2 tay	KQMĐ	Ném trúng đích đứng ở khoảng cách xa 2m, cao 1,5m, đường kính 40cm bằng 1 tay/ 2 tay	TLHD		
31	Ném được trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay/ 2 tay	TLHD	Ném trúng đích ngang ở khoảng cách xa 2m, đường kính 40cm bằng 1 tay/ 2 tay	TLHD		X
32	Tập trung, khéo léo thực hiện vận động chuyển, bắt bóng qua đầu chuyển ra sau lưng hoặc ra phía trước	TLHD	Chuyển, bắt bóng qua đầu chuyển ra sau lưng hoặc ra phía trước	TLHD		X

33	Biết dùng một số bộ phận cơ thể để giữ bóng	ĐP	Giữ bóng bằng 2 chân, 2 cánh tay kết hợp đi tiến về phía trước 2m	ĐP	x	
	* Vận động: bật, nhảy			#	#	3
34	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật xa tối thiểu 50 cm	NDCT	Bật xa tối thiểu 50cm	BC		x
35	Giữ được thăng bằng khi bật nhảy từ độ cao 40-45cm xuống	NDCT	Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 40-45cm)	NDCT		
36	Mạnh dạn, tự tin, dứt khoát khi thực hiện vận động bật liên tục vào 5-7 vòng	NDCT	Bật liên tục vào vòng	NDCT		
37	Bật tách chân, khép chân qua 7 ô liên tục, không dẫm vạch	NDCT	Bật tách chân, khép chân liên tục qua 7 ô	NDCT		x
38	Giữ được thăng bằng khi bật qua vật cản cao 15-20cm	NDCT	Bật qua vật cản cao 15-20cm	NDCT		
39	Bền bỉ, dẻo dai và giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò 5m	NDCT	Nhảy lò cò 5m	NDCT		
40	Bền bỉ, dẻo dai và giữ được thăng bằng khi nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	BC	Nhảy lò cò 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	BC		x
	3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt			#		2
41	Thực hiện được các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay	KQMĐ	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay (vẫy tay, xoay cổ tay, búng tay , gảy...)	NDCT		
42	Thực hiện được các loại cử động gập, mở lần lượt ngón tay	KQMĐ	Gập, mở lần lượt từng ngón tay	KQMĐ		

43	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay bề, nắn	NDCT	Bề, nắn	NDCT		
44	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay tô, đồ theo nét	NDCT	Tô, đồ theo nét chữ cái, chữ số	NDCT		
45	Tô màu kín, không chồm ra ngoài đường viền các hình vẽ	BC	Tô màu hình vẽ	NDCT		
46	Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số	KQMĐ	Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số	KQMĐ		
47	Cắt, xé được theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	KQMĐ	Cắt, xé theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	BC		X
48	Xếp chồng được 12-15 khối, lắp ráp theo mẫu	KQMĐ	Xây dựng, lắp ráp với 12-15 khối	KQMĐ		
49	Biết tự mặc - cởi quần áo, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)	KQMĐ	Cài - cởi cúc, kéo khóa phéc mơ tuya, khâu - luồn - buộc dây	NDCT		X
50	Ghép và dán được các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhầm	KQMĐ	Ghép và dán các hình vào vị trí cho sẵn	BC		
51	<i>Biết sử dụng đúng cách một số văn phòng phẩm thông thường</i>	ĐP	<i>Sử dụng một số thiết bị văn phòng phẩm: băng keo 1 mặt, ghim vòng, ghim bấm, dập lỗ,...</i>	ĐP	x	
	B. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			#		12
	1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			#		0
52	Nhận biết được 4 nhóm thực phẩm và lựa chọn được một số thực phẩm khi gọi tên nhóm	KQMĐ	Nhận biết thực phẩm theo 4 nhóm	NDCT		

53	Biết cơ cấu các bữa ăn trong 1 ngày, các món ăn trong 1 bữa ăn	TLHD	Cơ cấu các bữa ăn trong 1 ngày, thức ăn trong bữa ăn	TLHD		
54	Biết mỗi thực phẩm có nhiều dạng chế biến và cách ăn khác nhau. Có khả năng thực hành một số thao tác cơ bản trong chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản	NDCT	Thao tác cơ bản trong chế biến một số món ăn, thức uống đơn giản(Nem cuộn, vắt nước cam, hoa quả dầm, nước ép hoa quả, sa lát...)	NDCT		
55	Biết một số loại bệnh tật liên quan đến ăn uống (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)	NDCT	Bệnh tật liên quan đến ăn uống(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì,...)	NDCT		
56	Biết cách phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLHD	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLHD		
57	Biết một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản.	TLHD	Cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản	TLHD		
58	Biết lựa chọn ăn/không ăn những thức ăn có lợi/có hại cho sức khỏe	BC	Thức ăn có lợi/ có hại cho sức khỏe con người	BC		
59	Biết một số thói quen ăn uống tốt (ăn chậm, nhai kỹ, không kén chọn thức ăn, không vừa nhai vừa nói,...)	TLHD	Thói quen ăn uống tốt/không tốt	TLHD		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt				#		4
60	Có kỹ năng rửa tay bằng xà phòng đúng quy trình. Có thói quen tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	KQMĐ	Rèn kỹ năng rửa tay bằng xà phòng	NDCT		X
61	Có kỹ năng lau mặt đúng thao tác. Có thói quen tự lau mặt	KQMĐ	Rèn kỹ năng lau mặt	NDCT		X

62	Có kỹ năng đánh răng đúng thao tác. Có thói quen tự đánh răng hàng ngày	KQMĐ	Rèn kỹ năng đánh răng	NDCT		X
63	Biết tự thay quần áo khi bị ướt/bẩn và để vào nơi quy định	KQMĐ	Thay quần áo và để vào nơi quy định	NDCT		X
64	Có ý thức giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ	BC	Ý thức vệ sinh cá nhân	BC		
65	Có kỹ năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo, khéo léo	KQMĐ	Cách sử dụng đồ dùng ăn uống	NDCT		X
66	Biết sử dụng thiết bị vệ sinh đúng cách	KQMĐ	Nội quy khu vực vệ sinh	NDCT		X
	3. Hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt, giữ gìn sức khỏe			#		3
67	Có một số hành vi văn minh, thói quen tốt trong ăn uống và chủ động thực hiện hàng ngày		Mời cô, mời bạn khi ăn	KQMĐ		
67		KQMĐ	Ăn từ tốn, nhai kỹ, không đùa nghịch trong lúc ăn, không vừa nhai vừa nói, biết nhặt cơm rơi vào đĩa	KQMĐ		
			Không kén chọn thức ăn, ăn hết suất	ĐP	x	
			Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	KQMĐ		
68	Biết lựa chọn ăn/không ăn những thức ăn có lợi/có hại cho sức khỏe	BC	Phân biệt thức ăn có lợi/ có hại cho sức khỏe con người	BC		X
69	Biết cách phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLHD	Phân biệt thực phẩm/ thức ăn sạch, an toàn	TLHD		
70	Làm quen một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản.	TLHD	Một số cách bảo quản thực phẩm/ thức ăn đơn giản	TLHD		X

71	Trẻ được chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng theo khoa học	ĐP	Hướng dẫn chế biến một số món ăn dành cho trẻ	ĐP	x	
			Một số chế độ ăn khi trẻ bị bệnh(Táo bón, tiêu chảy, sốt..)	ĐP	x	
			Hướng dẫn kỹ thuật sơ cứu thông thường	ĐP		
72	Có một số thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	KQMĐ	Giữ vệ sinh thân thể	KQMĐ		
			Không khạc nhổ bừa bãi	ĐP	x	
			Đi vệ sinh đúng nơi quy định	KQMĐ		
			Che miệng khi hắt hơi, ho	KQMĐ		
73	Biết ích lợi và lựa chọn sử dụng trang phục phù hợp thời tiết theo mùa	NDCT	Ích lợi và cách sử dụng trang phục phù hợp thời tiết theo mùa	NDCT		
74	Có khả năng nhận biết một số biểu hiện đặc trưng khi ốm và bước đầu biết cách phòng tránh. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt.	KQMĐ	Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản	NDCT		x
	4. Nhận biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			#		5
75	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Nói được mối nguy hiểm khi đến gần	KQMĐ	Một số đồ vật gây nguy hiểm: Nhận biết 1 số đồ dùng gây nguy hiểm: kéo dao, bật lửa...	NDCT		
76	Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. Nói được mối nguy hiểm nếu đến gần	KQMĐ	Một số khu vực nguy hiểm	NDCT		

77	Biết tránh và không làm một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Những việc làm có thể gây nguy hiểm cho bản thân (cười đùa khi ăn uống dễ gây sặc, ngậm hạt, tự ý uống thuốc/ ăn thức ăn lạ, không leo trèo bàn ghế , lan can, không theo người lạ, trêu động vật, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe, không lại gần người đang hút thuốc lá,...)	NDCT		X
78	Nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp	KQMĐ	Một số trường hợp khẩn cấp (cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu,..)	NDCT		X
79	Biết tránh một số trường hợp không an toàn	KQMĐ	Một số trường hợp không an toàn: - Người lạ bế ẵm, rủ đi chơi, cho đồ ăn. - Tự ý đi ra khỏi nhà/trường/lớp một mình khi chưa được người lớn cho phép	TLHD		X
80	Biết kêu cứu, gọi người giúp đỡ khi gặp nguy hiểm	KQMĐ	Địa chỉ, số điện thoại của người thân và các số điện thoại trợ giúp: 111,113,114,115	ĐP	x	X
81	Tự giác thực hiện được một số quy định về an toàn tại trường/lớp	KQMĐ	Quy định an toàn của trường/lớp : Không leo trèo cầu thang, không nghịch ổ điện, không đu bám vào tủ đựng đồ dùng, không nghịch ổ điện...	KQMĐ		X
82	Tự giác thực hiện được một số quy định về an toàn tại nơi công cộng	KQMĐ	Quy định đảm bảo an toàn nơi công cộng: Tuân thủ ATGT	KQMĐ		X
			Phòng chống dịch bệnh (dịch bệnh theo mùa, dịch bệnh sốt xuất huyết...)	KQMĐ		
	II. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			#	#	
	A. Khám phá khoa học			#	#	

	1. Các bộ phận cơ thể con người			#	#	#
83	Biết sử dụng đúng giác quan, phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu đặc điểm của đối tượng (nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng)	KQMB	Các giác quan và chức năng của các giác quan (nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng)	NDCT		
84	Nhận biết được sự giống và khác nhau giữa mình và bạn về một số bộ phận trên cơ thể, chiều cao, cân nặng	TLHD	Biết so sánh một số bộ phận trên cơ thể của mình, của bạn về độ cao thấp, sự thay đổi của bản thân về chiều cao cân nặng	TLHD		
85	<i>Nhận biết được sự giống và khác nhau giữa mình và bạn về một số bộ phận trên cơ thể, chiều cao, cân nặng</i>		<i>Biết những bộ phận nhạy cảm trên cơ thể, những người có thể/ không thể chạm, sờ vào.</i>	TLHD	x	
	2. Đồ vật:			#	#	
	* Đồ dùng, đồ chơi			#	#	1
86	Biết một số đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT	Biết một số đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	NDCT		
87	Biết được mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng/ đồ chơi quen thuộc	NDCT	Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ chơi/đồ dùng quen thuộc	NDCT		
88	Biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi	NDCT	So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.	NDCT		
89	Biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu về chất liệu và công dụng	NDCT	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu về chất liệu và công dụng	NDCT		x
	* Phương tiện giao thông			#		1

90	Biết đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT	Đặc điểm, công dụng của một số PTGT và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT		X
91	Biết một số quy định đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông	ATGT	Quy định đảm bảo an toàn, thực hiện kỹ năng an toàn khi đi bộ	ATGT	x	
			Quy định đảm bảo an toàn, thực hiện kỹ năng an toàn khi ngồi trên phương tiện GT	ATGT	x	
			Đội MBH đúng cách khi ngồi trên xe máy, xe đạp điện	ATGT	x	
92	Nhận biết tín hiệu đèn giao thông, biển báo giao thông thông dụng, gần gũi	ATGT	Nhận biết, phân biệt tín hiệu đèn giao thông, biển báo giao thông thông dụng, gần gũi	ATGT	x	
93	Nhận biết hành vi đúng sai khi tham gia GT	ATGT	Nhận biết, phân biệt hành vi đúng sai khi tham gia GT	ATGT	x	
94	Bước đầu biết một số nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định về ATGT	ATGT	Gây thương tích, chấn thương trên cơ thể	ATGT	x	
3. Động vật và thực vật				#		3
95	Biết đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật.	NDCT	Đặc điểm , ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại con vật	NDCT		X
96	Biết đặc điểm, ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại cây, hoa ,quả	NDCT	Đặc điểm , ích lợi , tác hại, quá trình phát triển và điều kiện sống của một số loại cây, hoa ,quả	NDCT		X
97	Biết so sánh, phân loại con vật theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT	So sánh, phân loại cây con vật theo 2-3 dấu hiệu	NDCT		
98	Biết so sánh, phân loại cây, hoa, quả theo 2 - 3 dấu hiệu	NDCT	So sánh, phân loại cây, hoa, quả theo 2-3 dấu hiệu	NDCT		

99	Có khả năng tự quan sát, phán đoán để phát hiện được mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT	Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT		X
			Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống và cách chăm sóc bảo vệ	NDCT		
100	Biết thói quen và nhu cầu của một số con vật gần gũi	ĐP	Thói quen và nhu cầu của một số con vật	ĐP	X	
4. Một số hiện tượng tự nhiên * Thời tiết, mùa:				#		7
* Thời tiết, mùa				#		3
101	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	BC	Đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống	BC		X
102	Biết thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm	NDCT	Thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa trong năm	NDCT		
103	Biết được ảnh hưởng của thời tiết đến sinh hoạt của con người và sự thay đổi của con vật và cây theo mùa	NDCT	Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa	NDCT		X
104	Dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	BC	Dấu hiệu dự báo về sự xuất hiện của một số hiện tượng tự nhiên	BC		X
* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng				#		1
105	Nhận ra sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	NDCT	Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	NDCT		X

	*Nước			#		1
106	Biết các nguồn nước trong môi trường sống. Ích lợi của nước với đời sống con người con vật và cây. Một số đặc điểm, tính chất của nước và hiểu được nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	NDCT	Các nguồn nước trong môi trường sống	NDCT		
			Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây	NDCT		
			Một số đặc điểm, tính chất của nước	NDCT		
			Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước	NDCT		X
	* Không khí, ánh sáng			#		2
107	Có một số hiểu biết về các nguồn ánh sáng và cách sử dụng hợp lý	ĐP	Các nguồn ánh sáng và cách sử dụng tiết kiệm, hiệu quả	ĐP	X	
108	Có một số hiểu biết về không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây	NDCT	Không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây	NDCT		X
	* Đất, đá, cát, sỏi			#		
109	Biết đặc điểm, tính chất của một số đất, đá, cát, sỏi	NDCT	Đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	NDCT		X
	5. Công nghệ			#		
110	Thực hiện được một số thao tác cơ bản với máy tính	ĐP	Một số thao tác cơ bản với máy tính: tắt, mở, di chuyển chuột, kích chuột, mở thư mục	ĐP	X	
111	Chủ động tương tác với các bài giảng Elearning/ phần mềm trò chơi trên máy tính	ĐP	Chơi phần mềm trò chơi/ bài giảng Elearning trên máy tính	ĐP	X	

	B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			#		26
	1. Nhận biết tập hợp, số lượng, số thứ tự, đếm			#		14
112	Biết đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	KQMD	Đếm trong phạm vi 10, đếm xuôi, đếm ngược theo khả năng	ĐP	x	
113	Nhận biết các con số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự	KQMD	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6	NDCT		x
			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 7	NDCT		x
			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 8	NDCT		x
			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 9	NDCT		x
			Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	NDCT		x
114	Có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD		
			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 7 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD		
			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 8 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD		x

			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 9 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD		X
			So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	KQMD		X
115	Biết thêm bớt tạo sự = nhau trong pv 10	KQMD	Thêm bớt các nhóm đối tượng trong pv 6	KQMD		
			Biết thêm bớt tạo sự = nhau trong pv 7	KQMD		
			Biết thêm bớt tạo sự = nhau trong pv 8	KQMD		
			Biết thêm bớt tạo sự = nhau trong pv 9	KQMD		
			Biết thêm bớt tạo sự = nhau trong pv 10	KQMD		
116	Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6, đếm và nói kết quả	KQMD	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 6	NDCT		
			Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 7	NDCT		
			Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 8	NDCT		
			Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 9	NDCT		
			Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 10	NDCT		
	Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng ít nhất 2 cách	KQMD	Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh	NDCT		X

117	Vi 10 thành hai nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm	KQMD	Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 7 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh	NDCT		X
			Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 8 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh	NDCT		X
			Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 9 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh	NDCT		X
			Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh	NDCT		X
118	Có khả năng nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	KQMD	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số tuổi, số nhà, biển số xe, số điện thoại khẩn cấp,...)	NDCT		X
119	Nhận biết được mục đích của tiền trong cuộc sống (để mua thức ăn, đồ chơi,...)	ĐP	Tìm hiểu về đồng tiền Việt Nam (họa tiết, mệnh giá, cách sử dụng)	ĐP	X	
2. Xếp tương ứng				#		1
120	Biết ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	NDCT	Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan về nghề nghiệp	NDCT		X
			Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan về động vật			
3. Sắp xếp theo quy tắc				#		1
121	Nhận ra được quy tắc sắp xếp của 4 đối tượng (ABCD, AABB, ABBA) và tiếp tục thực hiện sao chép lại	KQMD	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc (ABCD, AABB, ABBA)	NDCT		X

122	Biết tự sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	KQMĐ	Tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý thích	NDCT		
4. So sánh , đo lường				#		2
123	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả (3 đối tượng)	BC	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	NDCT		x
			Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	NDCT		x
			Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	NDCT		
124	<i>Biết thu thập thông tin và tạo ra biểu đồ, đồ thị đơn giản</i>	ĐP	<i>Thu thập thông tin và tạo ra biểu đồ, đồ thị đơn giản</i>	ĐP	x	
5. Hình dạng				#		2
125	Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối vuông và khối chữ nhật	KQMĐ	Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối vuông và khối chữ nhật	NDCT		x
126	Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ.	KQMĐ	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế	NDCT		x
127	Có khả năng ghép ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	NDCT	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	NDCT		
128	Biết tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau	NDCT	Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau	NDCT		
6. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian				#		6

129	Xác định được vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ	NDCT	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ	NDCT		X
130	Xác định được vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với bạn khác	NDCT	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với bạn khác	NDCT		
131	Xác định được vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với một vật nào đó làm chuẩn	NDCT	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) so với một vật nào đó làm chuẩn	NDCT		
132	Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	BC	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai	NDCT		X
133	Gọi được tên các ngày trong tuần theo thứ tự	BC	Gọi tên các ngày trong tuần	NDCT		X
134	Nói được ngày trên đồng lịch và giờ trên đồng hồ/điện thoại	BC	Nhận biết ngày trên đồng lịch và giờ trên đồng hồ/điện thoại	BC		X
135	Gọi được tên các tháng trong năm theo thứ tự	BC	Nhận biết các tháng trong năm theo thứ tự	BC		X
136	Gọi được tên các mùa trong năm theo thứ tự	BC	Nhận biết các mùa trong năm theo thứ tự	BC		X
C. Khám phá xã hội				#		2
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng				#		1
137	Nói đầy đủ được họ và tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình	KQMD	Bé tự giới thiệu về bản thân	NDCT		

138	Nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình; số điện thoại của gia đình, quy mô gia đình, nhu cầu gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	KQMD	Thông tin về gia đình và các thành viên trong gia đình (tên, tuổi, sở thích, nghề nghiệp, địa chỉ, nhu cầu, số điện thoại...)	NDCT		X
139	Biết được những đặc điểm nổi bật của trường/lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện	NDCT	Đặc điểm nổi bật của trường/lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường	NDCT		
140	Nói được họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện	KQMD	Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường	NDCT		
141	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	BC	Một số địa điểm công cộng gần gũi : Sân bóng, chợ, siêu thị, đài liệt sĩ...	BC		
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương				#		1
142	Biết được một số nghề truyền thống của địa phương. Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: Nghề nông làm ra gạo, nghề XD xây lên ngôi nhà	NDCT	Nghề truyền thống của địa phương. Đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề: Bánh đa, bún, đánh cuốn, trồng hoa...	NDCT		X
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh				#		0
143	Kể được tên và hoạt động nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa tại địa phương	NDCT	Tên và hoạt động nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa địa phương: Lễ hội Từ Lương Xâm, Lễ hội Hoa Phượng Đỏ, chọi trâu	NDCT		
144	Kể được tên và nêu được một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	NDCT	Tên và nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Đồ Sơn, Cát Bà, Đảo Dấu, Từ Lương Xâm, Miếu Trung Hành...	NDCT		

145	Nhận biết, phân biệt được Lá Cờ của 1-2 quốc gia	ĐP	Lá Cờ của VN	ĐP	x	
III. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ				#	#	33
A. Nghe hiểu lời nói				#	#	10
146	Có khả năng nghe hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	NDCT	Nghe hiểu các từ khái quát (đồ dùng, đồ chơi,...), từ trái nghĩa (cao - thấp, ngắn - dài)	NDCT		
147	Có khả năng nghe hiểu và thực hiện được các hướng dẫn bằng lời trong các hoạt động cá nhân, tập thể để hoàn thành nhiệm vụ	BC	Nghe hiểu và làm theo các hướng dẫn trong hoạt động cá nhân (được 3-4 yêu cầu liên tiếp)	NDCT		
			Nghe hiểu và làm theo các hướng dẫn trong hoạt động tập thể (được 3-4 yêu cầu liên tiếp) ngày 22/12	ĐP	x	
148	Có khả năng nghe hiểu, sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp	NDCT	Nghe hiểu, sử dụng các câu đơn, câu mở rộng, câu phức trong giao tiếp	NDCT		
	Có khả năng nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Trường mầm non	NDCT		x
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Bản thân	NDCT		x
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Gia đình	NDCT		x

149		NDCT	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Nghề nghiệp	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGTV	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Mùa xuân	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGĐV	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề PTGT	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề HTTN	NDCT		X
			Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề VNTY-TTH	NDCT		X
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Trường mầm non	NDCT		

150	Có khả năng nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	NDCT	Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Bản thân	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Gia đình	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Nghề nghiệp	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGTV	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề Mùa xuân	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGDV	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề PTGT	NDCT		

			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề HTTN	NDCT		
			Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè của địa phương phù hợp với độ tuổi và chủ đề VNTY-TTH (Hát đúm Thủy Nguyên)	NDCT		
151	<i>Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi và biết sử dụng phù hợp hoàn cảnh</i>	ĐP	<i>Một số sắc thái biểu cảm của lời nói (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) và sử dụng phù hợp</i>	ĐP	x	
152	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	KQMĐ	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	KQMĐ		
B. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày				#		10
153	<i>Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được</i>	KQMĐ	<i>Kể trình tự SVHT xảy ra trong cuộc sống gia đình hàng ngày của trẻ</i>	ĐP	x	
			<i>Kể trình tự SVHT xảy ra về TGTV</i>	ĐP	x	
154	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	NDCT	Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu	NDCT		
155	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ	Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ		
156	Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân một cách rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	KQMĐ	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân một cách rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau	NDCT		

157	Biết miêu tả sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,.. của nhân vật	KQMB	Miêu tả sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,.. của bản thân	NDCT		
			Miêu tả sự việc có nhiều tình tiết theo trình tự với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,.. của người thân	NDCT		
158	Có khả năng đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề thực hiện	KQMB	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề Trường Mầm non	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề Bản thân	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề Gia đình	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề Nghề nghiệp	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề TGTV	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề Mùa xuân	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề TGĐV	NDCT		X
			Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề PTGT	NDCT		X

			Độc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề HTTN	NDCT		X
			Độc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi và chủ đề VNTY-TTH	NDCT		X
159	Có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi chủ đề Trường Mầm non	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi chủ đề Bản thân	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi chủ đề Gia đình	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi chủ đề Nghề nghiệp	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi chủ đề TGTV	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi Mùa xuân	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi TGDV	NDCT		
			Độc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi PTGT	NDCT		

			Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi HTTN	NDCT		
			Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao của địa phương phù hợp độ tuổi VNTY-TTH	NDCT		
160	Có khả năng hiểu và chơi các trò chơi dân gian phù hợp độ tuổi	ĐP	Chơi các trò chơi dân gian	ĐP	x	
161	Kể lại được nội dung chuyện theo đồ vật, theo tranh	KQMĐ	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh	NDCT		
162	Kể lại được nội dung chuyện/sự việc đã được nghe theo trình tự nhất định	KQMĐ	Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự chủ đề Bản thân	NDCT		
			Kể lại chuyện/ sự việc đã được nghe theo trình tự chủ đề Gia đình	NDCT		
163	Đóng được vai của nhân vật trong truyện	KQMĐ	Đóng kịch truyện chủ đề Gia đình	NDCT		
			Đóng kịch truyện chủ đề TGDV	NDCT		
			Đóng kịch truyện chủ đề PTGT	NDCT		
164	Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp	KQMĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa", ... trong giao tiếp	NDCT		
165	Biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự phù hợp với tình huống trong giao tiếp	KQMĐ	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự "Cảm ơn", "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"... phù hợp với tình huống trong giao tiếp	NDCT		

166	Biết tự điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	KQMĐ		
167	Biết trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"; Biết hỏi lại khi không hiểu người khác nói: "tại sao?", "như thế nào?"	NDCT	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"; Biết hỏi lại khi không hiểu người khác nói: "tại sao?", "như thế nào?"	NDCT		
			Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?"; Biết hỏi lại khi không hiểu người khác nói: "tại sao?", "như thế nào?"	NDCT		
168	Không nói tục, chửi bậy	BC	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong trường , lớp	BC		
			Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong gia đình	BC		
C. Làm quen với việc đọc - viết				#		13
169	Biết tự chọn sách để "đọc" và xem	KQMĐ	Tự chọn sách để "đọc" và xem	KQMĐ		
170	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân	KQMĐ	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân chủ đề TGDV	KQMĐ		
			Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân chủ đề VNTY-TTH	KQMĐ		

171	Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	KQMĐ	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trang đầu đến trang cuối, cách ngắt nghỉ sau các dấu câu + Hướng viết của các nét chữ	NDCT		X
172	Biết phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Biết giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn và bảo vệ sách	NDCT		
173	Nhận ra và thực hiện đúng kí hiệu thông thường trong cuộc sống	KQMĐ	Nhận biết ký hiệu ca , khăn mặt	NDCT		X
			Làm quen, thực hiện theo chỉ dẫn của một số kí hiệu thông thường ở trường lớp	NDCT		
174	Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	BC	Chữ viết có thể thay lời nói	ĐP	X	
			Nhận dạng các chữ cái o,ô,ơ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái a,ă,â trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái e ê trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái u ư trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X

175	Có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	KQMD	Nhận dạng các chữ cái b, d, đ trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái l, t, c trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái n, m, l trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái h, k trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		
			Nhận dạng các chữ cái p, q trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái g, y trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái v, r trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
			Nhận dạng các chữ cái s, x trong bảng chữ cái Tiếng Việt, chữ in thường, in hoa	NDCT		X
176	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	KQMD	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	NDCT		X
177	Biết "viết" tên của bản thân theo cách của mình	BC	"viết" tên của bản thân theo cách của mình	BC		
IV. LĨNH VỰC TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI				#		17
A. Phát triển tình cảm						15
1. Thể hiện ý thức về bản thân						4

178	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	KQMĐ	Một số thông tin quan trọng về bản thân	BC		X
			Một số thông tin quan trọng về gia đình	BC		
179	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	KQMĐ	Sở thích, khả năng của bản thân	NDCT		
180	Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	KQMĐ	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	NDCT		X
181	Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình	KQMĐ	Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình	NDCT		
			Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	NDCT		
182	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	KQMĐ	Thực hiện 1 số công việc vừa sức (Trục nhật, lau bàn, xếp đồ chơi...)	NDCT		X
183	Biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày	BC	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động	NDCT		
184	Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của bản thân	BC	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	BC		
185	Biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	BC	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân	BC		X
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề Trường Mầm non	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề Bản thân	TLHD		

186	Có khả năng đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	BC	Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề Gia đình	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề Nghề nghiệp	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề TGTV	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề Mùa xuân	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề TGDV	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề PTGT	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề HTTN	TLHD		
			Tự lựa chọn trò chơi, phân vai chơi, lựa chọn vật liệu chơi, thực hiện vai trò trong nhóm chơi chủ đề VNTY-TTH	TLHD		
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực				#	#	9

187	Có khả năng tự làm được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày	KQMD	giặt khăn, phơi khăn	TLHD		X
			Vắt nước cam	TLHD		X
			Rót nước mời khách	TLHD		X
			Gọt củ, quả	TLHD		X
			Sắp, dọn bàn ăn	TLHD		X
			Trộn Salat	TLHD		X
			Phơi quần áo	TLHD		X
			Làm bánh trôi	TLHD		X
188	Cố gắng tự hoàn thành đến cùng công việc được giao có sự giám sát của giáo viên. Tự nhận xét được mức độ hoàn thành công việc. Biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	KQMD	Cố gắng hoàn thành công việc được giao	TLHD		X
189	<i>Trẻ bình tĩnh tự tin xử lý tình huống khi gặp vấn đề xảy ra</i>		<i>Cố gắng bình tĩnh xử lý tình huống khi gặp vấn đề xảy ra</i>	ĐP	x	
	3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			#		2
190	Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	KQMD	Một số trạng thái cảm xúc khác nhau: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, xấu hổ	NDCT		X
191	Nhận biết được biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ của bản thân và của người khác	KQMD	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	NDCT		

192	Biết được mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	KQMĐ	Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	NDCT		
193	Biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi	BC	Quan tâm đến người thân	KQMĐ		
			Quan tâm đến bạn bè	KQMĐ		
194	Biết thể hiện sự yêu mến, quan tâm đến mọi người xung quanh	BC	Quan tâm đến mọi người xung quanh	KQMĐ		
195	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	BC	Cách kiềm chế cảm xúc tiêu cực	BC		
196	Biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	BC	Sự thích ứng phù hợp hoàn cảnh giao tiếp	BC		
197	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.	BC	Quan tâm và giúp đỡ người khác	BC		
198	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc). Biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	KQMĐ	Ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc). Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	NDCT		X
199	Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn) của quê hương đất nước	KQMĐ	Cảnh đẹp, lễ hội, một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của ngày tết			X
			Di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội, một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn) của quê hương đất nước	NDCT		X

200	Biết được các kỳ nghỉ lễ trong năm	ĐP	Các kỳ nghỉ lễ trong năm	ĐP	x	
B. Phát triển kỹ năng xã hội				#		2
1. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội				#		1
201	Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng phù hợp độ tuổi	KQMĐ	Thực hiện 1 số quy định của lớp	NDCT		x
			Thực hiện một số quy định ở gia đình Dọn dẹp và sắp xếp đồ dùng, sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép, trật tự khi ăn - ngủ	NDCT		
			Thực hiện một số quy định nơi công cộng đi bên phải lề đường	NDCT		
202	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	KQMĐ	Lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự trong giao tiếp	NDCT		x
203	Biết lắng nghe ý kiến của người khác và trao đổi ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm của mình với các bạn	KQMĐ	Lắng nghe và trao đổi ý kiến với người khác	BC		
204	Biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè và chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	KQMĐ	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	NDCT		
205	Biết nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - " sai", " tốt" - " xấu" ; nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	BC	Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi " đúng" - " sai", " tốt" - " xấu"	NDCT		

206	Biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	NDCT	Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	NDCT		
207	Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	NDCT	Quan tâm, chia sẻ, nhường nhịn, giúp đỡ bạn.	NDCT		
208	Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)	KQMĐ	Cách đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	BC		
2. Quan tâm đến môi trường				#		1
209	Thích chăm sóc con vật	KQMĐ	Bảo vệ, chăm sóc con vật	NDCT		
210	Thích chăm sóc cây	KQMĐ	Bảo vệ, chăm sóc cây cối	NDCT		
211	Bỏ rác đúng nơi quy định	KQMĐ	Bỏ rác đúng nơi quy định	NDCT		
212	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày và biết nhắc nhở mọi người xung quanh cùng thực hiện	KQMĐ	Hành vi giữ gìn, bảo vệ môi trường	NDCT		x
213	Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn	KQMĐ	Tiết kiệm trong sinh hoạt trong gia đình	NDCT		
			Tiết kiệm trong sinh hoạt nơi công cộng	NDCT		
V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ				#		29
A. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật				#		0

214	Biết thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	KQMD	- Biết thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc	NDCT		
			- Biết thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc	NDCT		
			Biết thể hiện thái độ tán thưởng với các tác phẩm nghệ thuật	NDCT		
	Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản	KQMD	Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề Trường Mầm non	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề Bản thân	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề Gia đình	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề Nghề nghiệp	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGTV	KQMD		

215	Thích ứng tác phẩm (họa) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề thực hiện	KQMD	Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề Mùa xuân	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề TGDV	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề PTGT	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề HTTN	KQMD		
			Nghe bài hát, bản nhạc; thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; kể chuyện phù hợp với độ tuổi và chủ đề VNTY-TTH	KQMD		
216	Thích thú, ngắm nhìn và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của tác phẩm tạo hình	KQMD	Nói cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình chủ đề TGDV	KQMD		
			Nói cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình chủ đề Mùa xuân	KQMD		
			Nói cảm nhận về vẻ đẹp nổi bật của tác phẩm tạo hình chủ đề VNTY	KQMD		
B. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình				#		29

217	Thích nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	NDCT	Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển)	NDCT		
218	Thích nghe và nhận biết các nhạc cụ âm nhạc khác nhau	ĐP	Thích nghe và nhận biết các nhạc cụ âm nhạc khác nhau	ĐP	x	
219	Thích nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	NDCT	Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	NDCT		
220	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	KQMĐ	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát chủ đề Trường mầm non	NDCT		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát chủ đề Bản thân	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát chủ đề Gia đình	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát chủ đề Nghề nghiệp	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát TGTV	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát Mùa xuân	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát TGDV	BC		x
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát PTGT	BC		x

			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát HTTN	BC		X
			Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát VNTY-TTH	BC		X
221	Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	KQMĐ	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	BC		
222	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	KQMĐ	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc chủ đề Trường Mầm non	NDCT		
			Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc chủ đề Gia đình	NDCT		X
			Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc chủ đề TGDV	NDCT		X
			Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc VNTY-TTH	NDCT		
223	Có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu,	KQMĐ	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu CD BẢN THÂN	NDCT		
			Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chủ đề NGHỀ NGHIỆP	NDCT		X
			Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chủ đề Tết	NDCT		

	múa)		Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chủ đề thế giới thực vật	NDCT		
			Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chủ đề thế PTGT	NDCT		X
			Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chủ đề thế HTTN	NDCT		
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề Trường mầm non	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề Bản thân	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề Gia đình	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề Nghề nghiệp	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề Mùa xuân	NDCT		X
Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật						

224	liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên gần gũi xung quanh trẻ để tạo ra sản phẩm	KQMĐ	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề TGTV	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề TGDV	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề PTGT	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề HTTN	NDCT		X
			Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu gần gũi xung quanh để tạo ra các sản phẩm chủ đề VNTY-TTH	NDCT		X
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD MN - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		X

225	Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	KQMĐ	Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD BẢN THÂN - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD NGHỀ NGHIỆP - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD TGDV - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD TGTV - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD PTGT - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		

			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD HTTN - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		
			Vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: Vẽ nét cong tròn, nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong nhọn, đường dích dắc CD VNTY-TTH - Vẽ bút sáp, vẽ màu nước	NDCT		X
226	Biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	KQMĐ	- Cắt theo đường thẳng, đường cong, đường bao, Kỹ năng lấy hồ, bôi hồ, đặt đúng vị trí, miết, hong khô để tạo sản phẩm chủ đề Trường Mầm non	NDCT		X
226	Biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	KQMĐ	- Cắt theo đường thẳng, đường cong, đường bao, Kỹ năng lấy hồ, bôi hồ, đặt đúng vị trí, miết, hong khô để tạo sản phẩm chủ đề GD	NDCT		X
			Phối hợp các kỹ năng xé, dán tạo sản phẩm chủ đề Động vật	NDCT		X
			Phối hợp các kỹ năng xé, dán tạo sản phẩm chủ đề Thực vật	NDCT		
			Phối hợp các kỹ năng xé, dán tạo sản phẩm chủ đề PTGT	NDCT		X

227	Biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	KQMĐ	Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối: Xoay tròn, ấn bẹt, lăn dọc, làm lõm, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn, véo miết...trong chủ đề Bản thân	NDCT		X
			Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối: Xoay tròn, ấn bẹt, lăn dọc, làm lõm, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn, véo miết...trong chủ đề Gia đình	NDCT		X
			Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối: Xoay tròn, ấn bẹt, lăn dọc, làm lõm, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn, véo miết...trong chủ đề TGDV	NDCT		
			Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối: Xoay tròn, ấn bẹt, lăn dọc, làm lõm, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn, véo miết...trong chủ đề TGTV	NDCT		
			Phối hợp các kỹ năng xếp hình , gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: - Xếp chồng, xếp bố cục, xếp dẹt - Gấp đôi, gấp ba, gấp bốn, miết dọc, lộn giấy chủ đề Gia đình	NDCT		
			Phối hợp các kỹ năng xếp hình , gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: - Xếp chồng, xếp bố cục, xếp dẹt - Gấp đôi, gấp ba, gấp bốn, miết dọc, lộn giấy chủ đề TGDV	NDCT		

228	Biết phối hợp các kĩ năng xếp hình , Gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	KQMĐ	Biết phối hợp các kĩ năng xếp hình , Gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối CĐTGTV	NDCT		
			Phối hợp các kĩ năng xếp hình , gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối: - Xếp chồng, xếp bố cục, xếp dẹt - Gấp đôi, gấp ba, gấp bốn, miết dọc, lộn giấy chủ đề PTGT	NDCT		
			phối hợp các kĩ năng xếp hình , Gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối CĐ HTTN	NDCT		
			phối hợp các kĩ năng xếp hình , Gấp để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối CĐ VNTY-TTH	NDCT		
229	Biết pha trộn màu để tạo ra màu mới	ĐP	<i>Pha trộn màu nước ứng dụng trong chủ đề TGTV</i>	<i>ĐP</i>	x	
			<i>Pha trộn màu nước ứng dụng trong chủ đề TGDV</i>	<i>ĐP</i>	x	
			<i>Pha trộn màu nước ứng dụng trong chủ đề HTTN</i>	<i>ĐP</i>	x	
230	Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	KQMĐ	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục	NDCT		
C. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				#		0

231	Có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	KQMĐ	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	NDCT		
232	Biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	KQMĐ	Tự tạo ra tiết tấu khi nghe nhạc, nghe hát bằng cách gõ đệm bằng dụng cụ gõ	TLHD		
233	Có khả năng đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	NDCT	Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	NDCT		
234	Có khả năng tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp gần gũi trong cuộc sống để tạo ra sản phẩm theo ý thích	NDCT	Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp gần gũi trong cuộc sống để tạo ra sản phẩm theo ý thích phù hợp chủ đề Gia đình	NDCT		
			Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp gần gũi trong cuộc sống để tạo ra sản phẩm theo ý thích phù hợp chủ đề Mùa xuân	NDCT		
			Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp gần gũi trong cuộc sống để tạo ra sản phẩm theo ý thích phù hợp chủ đề TGTV	NDCT		
			Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp gần gũi trong cuộc sống để tạo ra sản phẩm theo ý thích phù hợp chủ đề TGDV	NDCT		
		KQMĐ	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình (chủ đề Gia đình)	NDCT		

235	Có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		Nói lên ý tưởng tạo hình của mình (chủ đề TGDV)	NDCT		
			Nói lên ý tưởng tạo hình của mình (chủ đề PTGT)	NDCT		
236	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	KQMD	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình	NDCT		
CỘNG TỔNG SỐ MỤC TIÊU PHÂN BỐ VÀO CHƯƠNG TRÌNH					236	

NGƯỜI XÂY DỰNG KH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Bắc

TM. NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thảo Nguyên

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH

Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 08:55:26/01/2024
bởi Phạm Thị Bắc (codl_bacpt) – Trường MN Đống Đa